**Giải đáp pháp luật về định danh và xác thực điện tử**

**Câu 1. Bà Nguyễn Thị Lài muốn biết danh tính điện tử của công dân Việt Nam và người nước ngoài bao gồm những thông tin gì?**

**Trả lời: (mang tính chất tham khảo)**

Điều 7 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, quy định danh tính điện tử công dân Việt Nam, gồm:

1. Thông tin cá nhân:

a) Số định danh cá nhân;

b) Họ, chữ đệm và tên;

c) Ngày, tháng, năm sinh;

d) Giới tính.

2. Thông tin sinh trắc học:

a) Ảnh chân dung;

b) Vân tay.

Điều 8 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, quy định danh tính điện tử người nước ngoài, gồm:

1. Thông tin cá nhân:

a) Số định danh của người nước ngoài;

b) Họ, chữ đệm và tên;

c) Ngày, tháng, năm sinh;

d) Giới tính;

đ) Quốc tịch;

e) Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, loại giấy tờ và nơi cấp hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế.

2. Thông tin sinh trắc học:

a) Ảnh chân dung;

b) Vân tay.

Như vậy, danh tính điện tử của người Việt Nam và danh tính điện tử của người nước ngoài gồm: thông tin cá nhân và thông tin sinh trắc học quy định như trên.

**Câu 2. Ông La Văn Tài là Giám đốc Công ty thiết kế, xây dựng MV, ông có nghe quy định về danh tính điện tử tổ chức. Ông Tài muốn biết danh tính điện tử của tổ chức gồm có những thông tin gì?**

**Trả lời: (mang tính chất tham khảo)**

Điều 9 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, quy định danh tính điện tử tổ chức, gồm:

1. Mã định danh điện tử của tổ chức.

2. Tên tổ chức gồm tên tiếng Việt, tên viết tắt (nếu có) và tên tiếng nước ngoài (nếu có).

3. Ngày, tháng, năm thành lập.

4. Địa chỉ trụ sở chính.

5. Số định danh cá nhân hoặc số định danh của người nước ngoài; họ, chữ đệm và tên người đại diện theo pháp luật hoặc người đứng đầu của tổ chức.

Như vậy, danh tính điện tử tổ chức gồm những thông tin quy định như trên.

**Câu 3. Ông Trần Thành có con trai năm nay 12 tuổi, ông Thành muốn biết con trai ông đã đủ tuổi được cấp tài khoản định danh điện tử chưa?**

**Trả lời: (mang tính chất tham khảo)**

Điều 11 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, quy định đối tượng được cấp tài khoản định danh điện tử, như sau:

1. Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên; đối với công dân Việt Nam là người chưa đủ 14 tuổi hoặc là người được giám hộ được đăng ký theo tài khoản định danh điện tử của cha, mẹ hoặc người giám hộ.

2. Người nước ngoài từ đủ 14 tuổi trở lên nhập cảnh vào Việt Nam; đối với người nước ngoài là người chưa đủ 14 tuổi hoặc là người được giám hộ được đăng ký theo tài khoản định danh điện tử của cha, mẹ hoặc người giám hộ.

3. Cơ quan, tổ chức được thành lập hoặc đăng ký hoạt động tại Việt Nam.

Như vậy, theo quy định nêu trên, công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên thuộc đối tượng đượccấp tài khoản định danh điện tử, con ông Thành 12 tuổi nên chưa đủ tuổi đượccấp tài khoản định danh điện tử.

**Câu 4. Ông Vũ Văn Kim muốn biết việc sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 đối với công dân Việt Nam có giá trị tương đương như việc sử dụng thẻ Căn cước công dân có đúng không?**

**Trả lời: (mang tính chất tham khảo)**

Điều 13 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, quy định sử dụng tài khoản định danh điện tử, như sau:

1. Chủ thể danh tính điện tử sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập và sử dụng các tính năng, tiện ích trên ứng dụng VNelD, trang thông tin định danh điện tử.

2. Tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập được sử dụng để thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử và các hoạt động khác theo nhu cầu của chủ thể danh tính điện tử.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được tạo lập tài khoản để phục vụ cho hoạt động của mình và chịu trách nhiệm xác thực, bảo đảm tính chính xác của tài khoản do mình tạo lập, quyết định mức độ và giá trị sử dụng của từng mức độ tài khoản. Thông tin để tạo lập tài khoản do chủ thể của tài khoản cung cấp hoặc đồng ý cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng để tạo lập tài khoản.

4. Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 1 được tạo lập bởi hệ thống định danh và xác thực điện tử đối với chủ thể danh tính điện tử là công dân Việt Nam có giá trị chứng minh các thông tin của người đó quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP, đối với chủ thể là người nước ngoài có giá trị chứng minh các thông tin của người đó quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP trong các hoạt động, giao dịch có yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân của chủ thể danh tính điện tử.

5. Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 được tạo lập bởi hệ thống định danh và xác thực điện tử đối với chủ thể danh tính điện tử là công dân Việt Nam có giá trị tương đương như việc sử dụng thẻ Căn cước công dân trong thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình thẻ Căn cước công dân; có giá trị cung cấp thông tin trong các loại giấy tờ của công dân đã được đồng bộ vào tài khoản định danh điện tử để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình giấy tờ đó.

6. Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 được tạo lập bởi hệ thống định danh và xác thực điện tử đối với chủ thể danh tính điện tử là người nước ngoài có giá trị tương đương như việc sử dụng hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế trong thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; có giá trị cung cấp thông tin trong các loại giấy tờ của người nước ngoài được đồng bộ vào tài khoản định danh điện tử để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình giấy tờ đó.

7. Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử được tạo lập bởi hệ thống định danh và xác thực điện tử đối với chủ thể danh tính điện tử là tổ chức do người đại diện theo pháp luật thực hiện hoặc giao cho người được ủy quyền sử dụng. Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử của tổ chức có giá trị chứng minh danh tính điện tử của tổ chức khi thực hiện giao dịch có yêu cầu chứng minh thông tin về tổ chức đó; có giá trị cung cấp thông tin trong các loại giấy tờ của tổ chức được đồng bộ vào tài khoản định danh điện tử để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình giấy tờ đó.

8. Khi chủ thể danh tính điện tử sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 trong các hoạt động, giao dịch điện tử thì có giá trị tương đương với việc xuất trình giấy tờ, tài liệu để chứng minh thông tin đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử.

Như vậy, căn cứ quy định nêu trên, việc sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 được tạo lập bởi hệ thống định danh và xác thực điện tử đối với chủ thể danh tính điện tử là công dân Việt Nam có giá trị tương đương như việc sử dụng thẻ Căn cước công dân trong thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình thẻ Căn cước công dân

**Câu 5. Ông Lê Lưu hiện đang thường trú tại thành phố A, tỉnh B đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp thẻ Căn cước công dân gắn chíp, ông muốn đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 1. Ông Lưu muốn biết trình tự, thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 1 thực hiện như thế nào?**

**Trả lời: (mang tính chất tham khảo)**

Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, quy định trình tự, thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử đối với công dân Việt Nam, như sau:

1. Đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 1 qua ứng dụng VNelD đối với công dân đã có thẻ Căn cước công dân gắn chíp điện tử

a) Công dân sử dụng thiết bị di động tải và cài đặt ứng dụng VNelD.

b) Công dân sử dụng ứng dụng VNelD để nhập thông tin về số định danh cá nhân và số điện thoại hoặc địa chỉ thư điện tử; cung cấp các thông tin theo hướng dẫn trên ứng dụng VNelD; thu nhận ảnh chân dung bằng thiết bị di động và gửi yêu cầu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử tới cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử qua ứng dụng VNelD.

c) Cơ quan quản lý định danh điện tử thông báo kết quả đăng ký tài khoản qua ứng dụng VNelD hoặc tin nhắn SMS hoặc địa chỉ thư điện tử.

Như vậy, để đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 1 qua ứng dụng VneID, ông Lưu cần thực hiện các bước theo quy định như trên.

 **Câu 6. Ông Vũ Văn Hùng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp thẻ Căn cước công dân gắn chíp, ông muốn đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2. Ông Hùng muốn biết trình tự, thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2 thực hiện như thế nào?**

**Trả lời: (mang tính chất tham khảo)**

Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, quy định trình tự, thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử đối với công dân Việt Nam, như sau:

2. Đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2

a) Đối với công dân đã được cấp thẻ Căn cước công dân gắn chíp điện tử:

Công dân đến Công an xã, phường, thị trấn hoặc nơi làm thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân để làm thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử. Công dân xuất trình thẻ Căn cước công dân gắn chíp điện tử, cung cấp thông tin về số điện thoại hoặc địa chỉ thư điện tử và đề nghị bổ sung thông tin được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử.

Cán bộ tiếp nhận nhập thông tin công dân cung cấp vào hệ thống định danh và xác thực điện tử; chụp ảnh chân dung, thu nhận vân tay của công dân đến làm thủ tục để xác thực với Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và khẳng định sự đồng ý đăng ký tạo lập tài khoản định danh điện tử.

Cơ quan quản lý định danh điện tử thông báo kết quả đăng ký tài khoản qua ứng dụng VNelD hoặc tin nhắn SMS hoặc địa chỉ thư điện tử.

b) Cơ quan Công an tiến hành cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2 cùng với cấp thẻ Căn cước công dân với trường hợp công dân chưa được cấp Căn cước công dân gắn chíp điện tử.

Như vậy, để đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2, ông Hùng đến Công an xã, phường, thị trấn hoặc nơi làm thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân để làm thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử, ông phải xuất trình thẻ Căn cước công dân gắn chíp điện tử, cung cấp thông tin về số điện thoại hoặc địa chỉ thư điện tử và đề nghị bổ sung thông tin được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử.

**Câu 7. Bà Võ Thị Xinh có bạn là người nước ngoài muốn đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 1. Bà Xinh muốn biết bạn bà cần lập thủ tục như thế nào?**

**Trả lời: (mang tính chất tham khảo)**

Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, quy định trình tự, thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử đối với người nước ngoài, như sau:

1. Đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 1

a) Người nước ngoài sử dụng thiết bị di động tải và cài đặt ứng dụng VNelD.

b) Người nước ngoài sử dụng ứng dụng VNelD để nhập thông tin về số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế và địa chỉ thư điện tử hoặc số điện thoại (nếu có); cung cấp các thông tin theo hướng dẫn trên ứng dụng VNelD; thu nhận ảnh chân dung bằng thiết bị di động và gửi yêu cầu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử tới cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử qua ứng dụng VNelD.

c) Cơ quan quản lý định danh điện tử thông báo kết quả đăng ký tài khoản qua ứng dụng VNelD hoặc tin nhắn SMS hoặc địa chỉ thư điện tử.

Như vậy, để thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 1 đối với người nước ngoài, bạn của bà Xinh cần phải lập các thủ tục như trên.

**Câu 8. Ông Lê Văn Ba có bạn là người nước ngoài muốn đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2. Ông Ba muốn biết bạn của ông cần đến cơ quan nào để làm thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử?**

**Trả lời: (mang tính chất tham khảo)**

Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, quy định trình tự, thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử đối với người nước ngoài, như sau:

2. Đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2

a) Người nước ngoài đến cơ quan quản lý xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an hoặc Công an cấp tỉnh làm thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử, xuất trình Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, cung cấp thông tin địa chỉ thư điện tử hoặc số điện thoại (nếu có) và đề nghị bổ sung thông tin được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử.

b) Cán bộ tiếp nhận nhập thông tin người nước ngoài cung cấp vào hệ thống định danh và xác thực điện tử; chụp ảnh chân dung, thu nhận vân tay của người nước ngoài đến làm thủ tục để xác thực với Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh và khẳng định sự đồng ý đăng ký tạo lập tài khoản định danh điện tử.

c) Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh gửi yêu cầu cấp tài khoản định danh điện tử tới cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử.

d) Cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử thông báo kết quả đăng ký tài khoản qua ứng dụng VNelD hoặc tin nhắn SMS hoặc địa chỉ thư điện tử.

Như vậy, căn cứ quy định nêu trên, bạn của ông Ba là người nước ngoài đến cơ quan quản lý xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an hoặc Công an cấp tỉnh làm thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2.

**Câu 9. Ông Trần Trung muốn đăng ký tài khoản định danh điện tử đối với công ty của ông. Ông phải thực hiện như thế nào?**

 **Trả lời: (mang tính chất tham khảo)**

Điều 16 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, quy định trình tự, thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử đối với tổ chức, như sau:

1. Người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu của tổ chức (đã có tài khoản định danh điện tử mức độ 2) đăng nhập ứng dụng VNelD để đăng ký tài khoản định danh điện tử cho tổ chức; cung cấp các thông tin theo hướng dẫn trên ứng dụng VNelD và gửi yêu cầu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử tới cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử qua ứng dụng VNelD.

2. Cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử tiến hành xác thực thông tin về tổ chức trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác. Trường hợp thông tin về tổ chức chưa có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác thì thực hiện xác minh thông tin tổ chức và thông báo kết quả đăng ký tài khoản định danh điện tử cho người đến làm thủ tục của tổ chức qua ứng dụng VNelD hoặc tin nhắn SMS hoặc địa chỉ thư điện tử.

Như vậy, ông Trung là người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu của tổ chức (đã có tài khoản định danh điện tử mức độ 2) đăng nhập ứng dụng VNelD để đăng ký tài khoản định danh điện tử cho tổ chức; cung cấp các thông tin theo hướng dẫn trên ứng dụng VNelD và gửi yêu cầu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử tới cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử qua ứng dụng VnelD.

**Câu 10. Bà Cao Thanh Mân chưa đã được cơ quan có thẩm quyền cấp thẻ Căn cước công dân gắn chíp. Hiện nay, bà Mân muốn được cấp tài khoản định danh điện tử cấp độ 2. Vậy thời hạn giải quyết cấp tài khoản định danh điện tử cấp độ 2 là bao nhiêu ngày?**

Điều 17 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, quy định thời hạn giải quyết cấp tài khoản định danh điện tử, như sau:

Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Nghị định này, cơ quan Công an có trách nhiệm giải quyết cấp tài khoản định danh điện tử trong thời hạn như sau:

1. Đối với trường hợp công dân Việt Nam đã có thẻ Căn cước công dân gắn chíp: Không quá 01 ngày làm việc với trường hợp cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 1, không quá 03 ngày làm việc với trường hợp cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2. Đối với trường hợp công dân Việt Nam chưa có thẻ Căn cước công dân gắn chíp: Không quá 07 ngày làm việc.

2. Đối với người nước ngoài: Không quá 01 ngày làm việc với trường hợp cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 1; không quá 03 ngày làm việc với trường hợp cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2 đã có thông tin về ảnh chân dung, vân tay trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; không quá 07 ngày làm việc với trường hợp cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2 nhưng chưa có thông tin về ảnh chân dung, vân tay trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh.

3. Đối với tổ chức:

a) Không quá 01 ngày làm việc với trường hợp thông tin cần xác thực về tổ chức đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

b) Không quá 15 ngày với trường hợp thông tin cần xác thực về tổ chức không có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Như vậy, căn cứ quy định nêu trên, đối với trường hợp của bà Mân đã có thẻ Căn cước công dân gắn chíp, thời hạn cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2 cho bà là không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

**Câu 11. Bà Lê Thị Hà được cấp tài khoản định danh điện tử, bà Hà muốn biết hệ thống định danh điện tử tự động ghi nhận và khóa tài khoản định danh trong những trong hợp nào?**

**Trả lời: (mang tính chất tham khảo)**

Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, quy định khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, như sau:

1. Khóa tài khoản định danh điện tử của công dân

a) Hệ thống định danh và xác thực điện tử tự động ghi nhận và khóa tài khoản định danh điện tử trong trường hợp chủ thể danh tính điện tử yêu cầu khóa tài khoản định danh điện tử của mình; chủ thể danh tính điện tử vi phạm điều khoản sử dụng ứng dụng VNelD; chủ thể danh tính điện tử bị thu hồi thẻ Căn cước công dân; chủ thể danh tính điện tử chết. Việc ghi nhận được thực hiện thông qua việc chủ thể danh tính điện tử khai báo trên ứng dụng VNelD hoặc việc cập nhật thông tin danh tính điện tử vào hệ thống định danh và xác thực điện tử quy định tại Điều 10 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP.

b) Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan chức năng có thẩm quyền hoặc bên sử dụng dịch vụ có yêu cầu khóa tài khoản định danh điện tử thì gửi đề nghị khóa tài khoản tới cơ quan Công an để xem xét, giải quyết.

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, thủ trưởng cơ quan Công an nơi tiếp nhận đề nghị khóa tài khoản định danh điện tử phê duyệt việc khóa tài khoản đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 nêu trên và thông báo tới cơ quan, tổ chức đề nghị khóa tài khoản và chủ thể danh tính điện tử. Trường hợp từ chối khóa tài khoản thì có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Như vậy, căn cứ quy định nêu trên, hệ thống định danh và xác thực điện tử tự động ghi nhận và khóa tài khoản định danh điện tử trong trường hợp chủ thể danh tính điện tử yêu cầu khóa tài khoản định danh điện tử của mình; chủ thể danh tính điện tử vi phạm điều khoản sử dụng ứng dụng VNelD; chủ thể danh tính điện tử bị thu hồi thẻ Căn cước công dân; chủ thể danh tính điện tử chết.

**Câu 12. Ông Trương Thanh Phú là người đứng đầu doanh nghiệp MN muốn lập thủ tục cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử. Ông phải nộp những hồ sơ gì?**

**Trả lời: (mang tính chất tham khảo)**

Điều 28 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, quy định hồ sơ, trình tự thủ tục cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử, như sau:

1. Thành phần hồ sơ:

a) Tờ khai đề nghị cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử theo Mẫu XT01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 59/2022/NĐ-CP;

b) Đề án và các tài liệu mô tả theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP.

2. Trình tự, thời hạn và cách thức cấp Giấy xác nhận:

a) Tổ chức, doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận tại khoản 1 Điều này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Công an hoặc nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của Bộ Công an;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công an có thông báo bằng văn bản cho tổ chức, doanh nghiệp để bổ sung hồ sơ;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Công an lấy ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan; trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Công an, bộ, cơ quan ngang bộ có văn bản trả lời;

d) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công an thực hiện việc thẩm định, kiểm tra thực tế tại tổ chức, doanh nghiệp và cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử theo mẫu XT03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện; trường hợp từ chối cấp Giấy xác nhận phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

Như vậy, căn cứ quy định nêu trên, thành phần hồ sơ cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử, gồm: Tờ khai đề nghị cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử; Đề án và các tài liệu mô tả theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP.

**Câu 13. Bà Lê Thị Giang làm việc tại tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử. Bà Giang muốn biết** **tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử bị thu hồi Giấy xác nhận trong các trường hợp nào?**

**Trả lời: (mang tính chất tham khảo)**

Điều 30 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, quy định hồ sơ, trình tự thủ tục cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử, như sau:

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử bị thu hồi Giấy xác nhận trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức, doanh nghiệp không hoạt động liên tục từ 06 tháng trở lên;

b) Bị giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;

c) Không tiếp tục cung cấp dịch vụ;

d) Vi phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin, an ninh mạng.

2. Bộ Công an ra quyết định về việc thu hồi Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử theo Mẫu XT04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 59/2022/NĐ-CP.

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử bị thu hồi giấy xác nhận có trách nhiệm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể danh tính điện tử và các bên có liên quan theo quy định của pháp luật.

Như vậy, căn cứ quy định nêu trên, tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử bị thu hồi Giấy xác nhận trong các trường hợp: tổ chức, doanh nghiệp không hoạt động liên tục từ 06 tháng trở lên; bị giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật; không tiếp tục cung cấp dịch vụ; vi phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin, an ninh mạng.

**Câu 14. Bà Vương Thị Mơ muốn biết điều kiện cung cấp dịch vụ xác thực điện tử gồm có những điều kiện gì?**

**Trả lời: (mang tính chất tham khảo)**

Điều 27 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, quy định điều kiện cung cấp dịch vụ xác thực điện tử, như sau:

1. Điều kiện về tổ chức, doanh nghiệp

Đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp trong Công an nhân dân.

2. Điều kiện về nhân sự

a) Người đứng đầu tổ chức, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.

b) Tổ chức, doanh nghiệp phải có nhân sự có bằng đại học trở lên chuyên ngành an toàn thông tin hoặc công nghệ thông tin hoặc điện tử viễn thông chịu trách nhiệm cung cấp dịch vụ, quản trị hệ thống, vận hành hệ thống, bảo đảm an toàn thông tin của hệ thống.

3. Điều kiện về kỹ thuật, quy trình quản lý cung cấp dịch vụ và phương án bảo đảm an ninh, trật tự

Tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy xác nhận phải có Đề án hoạt động cung cấp dịch vụ bao gồm các tài liệu sau:

a) Phương án, quy trình hoạt động cung cấp dịch vụ xác thực điện tử bao gồm thuyết minh hệ thống công nghệ thông tin; thuyết minh phương án kỹ thuật về giải pháp công nghệ; phương án lưu trữ, bảo đảm tính toàn vẹn dữ liệu, bảo đảm an ninh an toàn thông tin của hệ thống cung cấp dịch vụ; phương án bảo vệ dữ liệu cá nhân, tổ chức; phương án bảo đảm an ninh, trật tự; phương án phòng cháy và chữa cháy, dự phòng thảm họa và bảo đảm vận hành ổn định, thông suốt dịch vụ xác thực điện tử;

b) Văn bản giới thiệu về máy móc, thiết bị đang sở hữu đặt tại Việt Nam phù hợp với yêu cầu của pháp luật về phòng, chống cháy, nổ; có khả năng chống chịu lũ, lụt, động đất, nhiễu điện tử, sự xâm nhập bất hợp pháp của con người.

Như vậy, điều kiện cung cấp dịch vụ xác thực điện tử, gồm: điều kiện về tổ chức, doanh nghiệp; điều kiện về nhân sự; điều kiện về kỹ thuật, quy trình quản lý cung cấp dịch vụ và phương án bảo đảm an ninh, trật tự; các điều kiện được quy định cụ thể như trên.

**Câu 15. Ông Võ Thanh Tín muốn cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử do bị hư hỏng. Ông cần phải nộp những hồ sơ gì?**

**Trả lời: (mang tính chất tham khảo)**

Điều 29 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, quy định cấp lại, thay đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử, như sau:

1. Thay đổi nội dung Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử được thực hiện trong trường hợp tổ chức, doanh nghiệp thay đổi một trong các thông tin về người đại diện theo pháp luật, địa chỉ trụ sở, tên giao dịch, phương án, quy trình được Bộ Công an thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP.

Tổ chức, doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử về Bộ Công an theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP. Hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung Giấy phép bao gồm: Tờ khai đề nghị thay đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử theo Mẫu XT02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 59/2022/NĐ-CP, tài liệu chứng minh nội dung thay đổi về thông tin.

a) Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp thay đổi một trong các thông tin về người đại diện theo pháp luật, địa chỉ trụ sở, tên giao dịch thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công an thẩm định, cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử cho tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện; trường hợp từ chối thay đổi phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b) Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp thay đổi một trong các thông tin về phương án, quy trình hoạt động cung cấp dịch vụ xác thực điện tử thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công an thực hiện việc thẩm định, lấy ý kiến bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan, kiểm tra thực tế và cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử cho tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện; trường hợp từ chối thay đổi phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng:

a) Tổ chức, doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử về Bộ Công an theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy xác nhận bao gồm: Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử theo Mẫu XT02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 59/2022/NĐ-CP;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ khai đề nghị, Bộ Công an xem xét và cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử cho tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử; trường hợp từ chối cấp lại phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

 Như vậy, để cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử ông Tín nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử về Bộ Công an theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy xác nhận bao gồm: Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử theo Mẫu XT02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 59/2022/NĐ-CP.

**Câu 16. Anh Phạm Văn Bằng muốn biết Cục trưởng Cục Cảnh sát quản** **lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an có thẩm quyền cấp tài khoản định danh điện tử không?**

**Trả lời: (mang tính chất tham khảo)**

Điều 20 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, quy định thẩm quyền cấp tài khoản định danh điện tử, quyết định khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, như sau:

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an có thẩm quyền cấp tài khoản định danh điện tử; quyết định khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử tự động trên hệ thống định danh và xác thực điện tử và đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử của cơ quan cấp cục hoặc tương đương trở lên.

2. Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử đối với đề nghị được tiếp nhận tại Công an cấp tỉnh.

3. Trưởng Công an cấp huyện quyết định khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử đối với đề nghị được tiếp nhận tại Công an cấp huyện.

4. Trưởng Công an cấp xã quyết định khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử đối với đề nghị được tiếp nhận tại Công an cấp xã.

 Như vậy, căn cứ quy định nêu trên Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an có thẩm quyền cấp tài khoản định danh điện tử; quyết định khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử tự động trên hệ thống định danh và xác thực điện tử và đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử của cơ quan cấp cục hoặc tương đương trở lên.